

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 10/2017/DS-ST

Ngày 19/7/2017

*"V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Điền

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Quốc Tuấn.

2. Ông Trần Hữu Trung.

- *Thư ký phiên tòa :* Bà Nguyễn Thị Nhung. Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa :* Bà Dương Thị Nhàn. Chức vụ : Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 6 và 19 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số : 35/2016/TLST - DS ngày 24 tháng 11 năm 2016 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX - ST ngày 09 tháng 5 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 29 tháng 5 năm 2017 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02 ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn :* Ngân hàng N.

Địa chỉ : Số 2, LH, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ : Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng N.

- Người đại diện theo ủy quyền : Bà Nguyễn Thị T. Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh M. (Theo văn bản ủy quyền số 510 ngày 19/6/2014 của Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N).

- Người được ủy quyền lại : Ông Nguyễn Văn T. Phó giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh MK. (Theo văn bản ủy quyền số 22 ngày 20/10/2016), có mặt.

2. *Bị đơn :* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979

Địa chỉ : Khu V, phường M, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* : Ông Không Văn T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ : Khu Y, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Những người làm chứng:

1/ Chị Vũ Thị H, sinh năm 1956

Địa chỉ : Thôn Y, xã T, thị xã ĐTr, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt

2/ Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu Y, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3/ Chị Đỗ Thị Hồng X, sinh năm 1966.

Địa chỉ : Số 505, phường , quận C, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

4/ Chị Trần Thị V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu Y, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

5/ Chị Phạm Thị L, sinh năm 1961

Địa chỉ : Thôn H, xã TA, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

6/ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1963

Địa chỉ : Thôn Đ, xã HP, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

7/ Ông Tiêu Văn P.

Địa chỉ : Khu T, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

8/ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979

Địa chỉ : Thôn H, xã T, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

9/ Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1964

Địa chỉ : Thôn T, xã B, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày :

Ngày 25/3/2009, Ngân hàng N chi nhánh MK gọi tắt là (A) và chị Nguyễn Thị C đã cùng nhau ký kết hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD. Số tiền vay theo hợp đồng đã ký là: 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay vốn để mua máy xúc, thời hạn cho vay 36 tháng, thời hạn trả lãi 3 tháng/01 lần, thời hạn trả gốc 12 tháng/01 lần, lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: 0,875%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi xuất trong hạn theo thời điểm quy định/số gốc, lãi chậm trả.

+ Số gốc đã trả: 169.000.000đ (*Một trăm sáu mươi chín triệu đồng chẵn*).

+ Số dư nợ gốc hiện chưa thanh toán: 281.000.000đ (*Hai trăm tám mươi một triệu đồng*).

+ Số lãi đã trả 44.696.528đ (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*).

+ Số tiền lãi chưa trả là 149.934.000đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng*); số tiền lãi quá hạn là 277.969.870đ (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi đồng*). Tổng cộng số tiền phải trả là 708.904.801đ (*Bảy trăm linh tám triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm linh một đồng*).

Như vậy chị C đã vi phạm tất cả các cam kết tại hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD ngày 25 tháng 3 năm 2009. Cụ thể là vi phạm Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng về việc chấp hành trả nợ gốc, lãi tiền vay, mặc dù đã được ngân hàng N chi nhánh MK nhắc nhở rất nhiều lần, đã trực tiếp làm việc đôn đốc bằng văn bản, nhưng chị C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký khi vay vốn.

Do vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều buộc chị Nguyễn Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 281.000.000 (*Hai trăm tám mươi một triệu đồng*), số tiền lãi là 149.934.000đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng*); số tiền lãi quá hạn là 277.969.870đ (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi đồng*). Tổng cộng số tiền phải trả là 708.904.801đ (*Bảy trăm linh tám triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm linh một đồng*).

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện về số tiền nợ gốc 281.000.000 (*Hai trăm tám mươi một triệu đồng*), nhưng xin thay đổi về số tiền lãi trên số nợ gốc, do khi khởi kiện chưa trừ đi số tiền lãi mà bà Nguyễn Thị M đã trả trong hợp đồng, tính đến ngày xét xử ngày 19/7/2017. Số tiền gốc là 281.000.000 (*Hai trăm tám mươi một triệu đồng*) và số tiền lãi tính đến là 418.770.143đ (*Bốn trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*). Tổng số tiền chị Chung phải trả cho ngân hàng N chi nhánh MK là 699.770.143đ (*Sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*).

Trong trường hợp chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay gồm có:

1. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất diện tích 136,4m² theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AB - 826739 do UBND huyện ĐT (nay là thị xã ĐT) cấp ngày 02 tháng 5 năm 2005; Sổ vào sổ cấp giấy số H1151 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4, công trình phụ để thế chấp cho chị Nguyễn Thị C vay vốn tại ngân hàng N chi nhánh MK theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26 ngày 31 tháng 01 năm 2008 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2009 ngày 25 tháng 3 năm 2009. Giá trị tài sản được các bên thống nhất định giá khi cho vay là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Tuy nhiên do chị C không có khả năng trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD ngày 25 tháng 3 năm 2009, nên bà M đã đề nghị thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ cho chị C đối với phạm vi bảo đảm tài sản thế chấp của mình. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2016 bà M đã thực hiện nộp tiền vào ngân hàng N chi nhánh MK tổng số tiền là 182.490.278đ. (*Một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm bảy tám đồng*). Như vậy bà M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên thế chấp với Ngân hàng, nên ngân hàng N chi nhánh MK đã giải chấp tài sản thế chấp của bà M vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

2. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất diện tích 182,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X - 009242 do UBND huyện ĐT (nay là thị xã ĐT) cấp ngày 25 tháng 11 năm 2003; Sổ vào sổ cấp giấy số 180 mang tên hộ bà Nguyễn Thị X và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng, công trình phụ để thế chấp cho chị Nguyễn Thị C vay vốn tại ngân hàng N chi nhánh MK theo hợp đồng thế chấp tài sản số 35 ngày 23 tháng 3 năm 2009. Giá trị tài sản được các bên thống nhất định giá khi cho vay là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) phạm vi bảo đảm cho khoản vay là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh nếu có.

Về phía bị đơn : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đối với bị đơn chị Nguyễn Thị C Tòa án đã triệu tập và tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Chung. Chị C đã nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt, xong chị C không có mặt tại Tòa án để giải quyết, thường xuyên trốn tránh, không hợp tác nên việc tiếp cận lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không thực hiện được. Tòa án đã lập biên bản làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 23 tháng 6 năm 2017 chị Nguyễn Thị C có bản tự khai nộp cho Tòa án với nội dung sau : Chị và anh Nguyễn Hữu D ở phường Đ, thị xã ĐT là anh em kết nghĩa, anh D có đặt vấn đề nhờ chị đứng tên trong hợp đồng, vay hộ tiền Ngân hàng cho em họ của anh D là chị Nguyễn Thị X và dùng tài sản của chị X để thế chấp cho Ngân hàng, vay số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), nếu vay được số tiền trên chị X sẽ cho chị vay lại 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), còn vay được 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) chị X cho chị vay 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) hai bên thỏa thuận miệng với nhau không lập thành văn bản.

Chiều ngày 22 tháng 3 năm 2009 chị có đi cùng chị X và chị H là cán bộ Ngân hàng N chi nhánh MK lên nhà chị X để xem xét thẩm định tài sản của gia đình chị X, sau khi thẩm định chị H có giải thích cho vợ chồng chị X, anh T về hậu quả pháp lý khi chị C đứng tên trong hợp đồng vay mà không trả được, thì tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng sẽ xử lý theo quy định. Vợ chồng chị X anh T đồng ý ký vào hồ sơ thẩm định, sau đó được UBND xã Đ, (nay là phường Đ), thị xã ĐT chứng thực và được đăng ký tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐT (nay là thị xã ĐT) vào ngày 24/3/2009. Sau khi chị X và anh T hoàn tất các thủ tục theo quy định. Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền vay được thế chấp bằng tài sản của bà X và ông T với số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), chị đã chuyển số tiền vay được cho chị X tại nhà chị, sau đó chị X cho chị vay lại số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) chị đã trả cho chị X 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và gửi trả lãi theo hợp đồng vay hai lần với số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), do là chỗ quen biết nên chị không bảo chị X viết giấy nhận tiền. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền gốc và lãi là 699.770.143đ (*Sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*) hiện tại chị không có khả năng trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng nên chị đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của bên thứ 3 theo quy định của hợp đồng vay đã ký.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Bà Nguyễn Thị X và ông Khổng Văn T trong bản tự khai và tại phiên tòa trình bày :*

Do có nhu cầu cần vay tiền để mua thiết bị máy ảnh cho con trai làm nghề ông, bà biết chị C qua giới thiệu của chị N, ngày 22/3/2009 chị C đưa chị H, chị X là cán bộ Ngân hàng N chi nhánh MK đến nhà bà, sau khi xem xét thẩm định tài sản, chị H lập hồ sơ tại gia đình và bảo vợ chồng bà ký tên vào hợp đồng thế chấp, nội dung hợp đồng được ghi rất rõ ràng, tài sản của ông, bà được xác định trị giá 250.000.000đ, (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) Ngân hàng chỉ đồng ý cho vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), được bà đánh dấu vào góc bên trái của bản hợp

đồng thế chấp tài sản, lý do đánh dấu là do bà cần vay đủ số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), nếu chỉ được vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), thì bà không vay nữa, sau đó chị H tư vấn hướng dẫn bà ký lưu không thêm một bộ hồ sơ để về trình Giám đốc, nếu Giám đốc đồng ý thì chị H sẽ giúp đỡ cho bà vay đủ 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Riêng đối với hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3, nội dung hợp đồng xác định trị giá tài sản 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), Ngân hàng đồng ý cho vay 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), không phải tên của bà mặc dù chữ ký trong hợp đồng là của vợ chồng bà. Ông, bà khẳng định hợp đồng là do chị H tùy tiện điền tên ông, bà vào hồ sơ lưu không mà chị H đã bảo vợ chồng bà ký tại gia đình, ông, bà cho rằng hợp đồng xác định giá trị tài sản 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và được Ngân hàng đồng ý cho vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), có đánh dấu nhưng gia đình bà không được chị H giao cho một bản theo quy định. Hợp đồng xác định giá trị tài sản 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) để được vay 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) từ ngày 23/3/2009 đến ngày 19/4/2016 ông, bà mới được Ngân hàng giao cho một bản phô tô, lý do bà ký vào văn bản làm việc của Ngân hàng từ năm 2010 là do liên quan đến việc chị C vay của Ngân hàng số tiền 450.000.000đ, (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), cán bộ ngân hàng bảo ký và sẽ can thiệp giúp đỡ, bắt chị C phải trả tiền, còn nếu không ký thì Ngân hàng không có trách nhiệm, do quá hoang mang và hoảng sợ nên bà đã ký vào biên bản làm việc. Tuy nhiên không hiểu lý do gì Ngân hàng lại phê duyệt cho chị C vay được số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), từ ngày 25/3/2009. Năm 2010 bà đã trình bày với cán bộ Ngân hàng toàn bộ vụ việc về hành vi của chị H, chị X và chị C có dấu hiệu lừa đảo tài sản của gia đình bà. Đến năm 2011 bà tiếp tục có đơn đề nghị gửi cho Ngân hàng, thời điểm đó chị H còn đang công tác nhưng không được Ngân hàng quan tâm xem xét.

Quan điểm của ông, bà không dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho chị C vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng N chi nhánh MK, nên ông, bà không phải có nghĩa vụ đối với khoản vay của chị C và yêu cầu Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, bà.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa :

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 209 - 211 BLTTDS tổ chức

phiên họp kiểm tra việc giao nộp và công khai chứng cứ; việc thu thập chứng cứ còn chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS .

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS. Tuy nhiên đối với bị đơn chị Nguyễn Thị C, người làm chứng chị Vũ Thị H, chị Đỗ Thị Hồng X đã chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 và 78 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp hành triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 401, 471, 474 BLDS 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 348, 351, 715, 717, 721 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Việc thực hiện yêu cầu nghĩa vụ trả nợ :

Ngày 25/3/2009, Ngân hàng N chi nhánh MK và chị Nguyễn Thị C đã cùng nhau ký kết hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD. Ngân hàng cho chị C vay số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*); mục đích vay vốn để mua máy xúc; thời hạn vay 36 tháng, thời hạn trả lãi 03 tháng/01 lần, thời hạn trả gốc 12 tháng/01 lần. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là: 0,875%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi xuất trong hạn theo thời điểm quy định/số gốc, lãi chậm trả. Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của Ngân hàng N, hợp đồng có hiệu lực thi hành. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên, chị C đã nhận đủ số tiền vay là 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Nhưng trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị C không có khả năng trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD ngày 25 tháng 3 năm 2009, nên bà Nguyễn Thị M đã đề nghị thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ cho chị C đối với phạm vi bảo đảm tài sản thế chấp của mình. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2016 bà M đã thực hiện nộp tiền vào ngân hàng N chi nhánh MK tổng số tiền là 182.490.278đ (*Một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm bảy tám đồng*). Như vậy bà M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên thế chấp với Ngân hàng nên ngân hàng N chi nhánh MK đã giải chấp tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị M vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền theo như hợp đồng đã ký kết, thì toàn bộ số nợ của khoản vay trên, chị C không trả nợ đúng như cam kết trong hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã có văn bản làm việc đôn đốc nhiều lần, đã quá hạn số tiền gốc kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2010 và số tiền lãi kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2009. Được thể hiện bằng giấy báo nợ quá hạn ngày 10/4/2010 và ngày 15/6/2010; biên bản làm việc ngày 15/6/2010; cam kết trả nợ ngân hàng ngày 20/9/2010 và ngày 17/12/2010; thông báo xử lý tài sản thế chấp ngày 23/5/2011.

Tại biên bản làm việc gần nhất vào ngày 04 tháng 3 năm 2016 giữa Ngân hàng với chị C, chị C cũng đã thừa nhận còn nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 03/3/2016 là: 674.369.743đ (*Sáu trăm bảy tư triệu ba trăm sáu chín nghìn bảy trăm bốn ba đồng*), chị C cam kết tháng 12/2016 sẽ trả hết toàn bộ số tiền trên, đến nay chị C cũng không thực hiện.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19 tháng 7 năm 2017 dư nợ gốc là 281.000.000đ (*Hai trăm tám mươi một triệu đồng*) và số tiền lãi là 418.770.143đ (*Bốn trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*).

Về quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan : Bà Nguyễn Thị X và ông Khổng Văn T cho rằng, hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 35 ngày 23 tháng 3 năm 2009 đã ký giữa ngân hàng N chi nhánh MK; bên thế chấp bà Nguyễn Thị X và ông Khổng Văn T; bên được vay vốn chị Nguyễn Thị C là giả mạo và bà đã có đơn tố cáo chị C có hành vi lừa đảo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của bà để vay tiền Ngân hàng, gửi đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT, sau khi tiếp nhận đơn tố cáo Cơ quan điều tra đã triệu tập các bên có liên quan để giải quyết, căn cứ vào các tài liệu điều tra thu thập được xét thấy việc theo đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị X gửi ngày 25/3/2016 không có dấu hiệu tội phạm hình sự. Nên ngày 30/5/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT đã ban hành bản kết luận điều tra số 66A/KLĐT.

Căn cứ khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam không đủ căn cứ để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên. Trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng với chị C. Bà X và ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng không cung cấp và xuất trình được bất kỳ chứng cứ gì chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, nên bà X và ông T phải có nghĩa vụ đối với khoản vay của chị C, nếu chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, việc ông, bà yêu cầu Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ, lý do bà X và ông T đưa ra chỉ nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba đối

với khoản vay của chị C và gây khó khăn cho Ngân hàng cũng như Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] *Đối với tài sản thế chấp* : Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất diện tích 182,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X - 009242 do UBND huyện ĐT (nay là thị xã ĐT) cấp ngày 25 tháng 11 năm 2003; vào sổ cấp giấy số 180 mang tên hộ bà Nguyễn Thị X và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng, công trình phụ tại khu Y, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, đã được UBND xã Đ, huyện ĐT (nay là phường Đ) thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh chứng thực ngày 24/3/2009 về mặt hình thức mặc dù có phần còn để trống không ghi đầy đủ, nhưng cơ bản đã tuân thủ theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 9 Nghị định 75/2000/NĐ - CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 24/3/2009 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật; phù hợp với quy định tại các Điều 347, Điều 351 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 167 Luật đất đai.

Do giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, sau đó mới phát sinh tranh chấp, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản liên quan để giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19 tháng 7 năm 2017 là : 699.770.143đ (*Sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*). Trong đó, số tiền gốc là 281.000.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu đồng), số tiền lãi là 418.770.143đ (*Bốn trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*).

[3] *Về lãi suất* : Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 chị Nguyễn Thị C tiếp tục phải chịu tiền lãi và lãi quá hạn trên số nợ gốc theo các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD đã ký ngày 25/3/2009.

[4] *Về án phí* : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Ngân hàng nộp số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) theo giấy biên nhận ngày 23/3/2017 đã chi phí hết, do chị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy cần phải tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản của

bên thứ 3 để đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, nên chị C phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Ngân hàng.

[6] *Về quyền kháng cáo :*

Các đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng : Điều 347, Điều 351, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 167 Luật đất đai; Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Tuyên xử :

1. *Về nghĩa vụ trả nợ :* Buộc chị Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng N số tiền là : 699.770.143đ (*Sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*). Trong đó, số tiền nợ gốc là 281.000.000đ (*Hai trăm tám mươi một triệu đồng*), số tiền lãi tính đến ngày 19/7/2017 là 418.770.143đ (*Bốn trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn ba đồng*).

Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 chị Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD ngày 25/3/2009 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 35 ngày 23 tháng 3 năm 2009 đã ký giữa Ngân hàng N chi nhánh MK, bên thế chấp : Bà Nguyễn Thị X và ông Không Văn T, bên được vay vốn chị Nguyễn Thị C để đảm bảo thi hành án trong trường hợp chị Nguyễn Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N. Theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Ngân hàng N chi nhánh MK. Tài sản thế chấp gồm giá trị quyền sử dụng đất diện tích 182,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X - 009242 do UBND huyện ĐTr (nay là thị xã ĐT) cấp ngày 25 tháng 11 năm 2003; vào sổ cấp giấy số 180 mang tên hộ bà Nguyễn Thị X và tài sản gắn liền với đất là nhà mái

bằng, công trình phụ tại khu Y, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, đã được UBND xã Đ, huyện ĐT (nay là phường Đ) thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh chứng thực ngày 24/3/2009, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 24/3/2009 để đảm bảo thi hành án.

2. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị C phải hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho Ngân hàng N.

3. *Về án phí :* Buộc chị Nguyễn Thị C phải nộp 31.990.000đ (Ba mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 16.178.000đ (Mười sáu triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐT theo biên lai thu số 0006682 ngày 24/11/2016.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- VKSND TX Đông Triều;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS TX Đông Triều;
- Các đương sự;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ + VP + THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Điền

Kế hoạch hỏi

Hỏi đại diện Ngân Hàng

H. Ông Tâm cho biết ông tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng NNVPTNTN khởi kiện về việc gì.

H. Tại phiên tòa ông đại diện cho Ngân hàng, ông có thay đổi, bổ sung, giữ nguyên hay rút yêu cầu khởi kiện không ?

H. Ngân hàng khởi kiện chị Nguyễn Thị Chung về vấn đề gì

H. Chị Nguyễn Thị Chung có ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng không

H. Hợp đồng được ký số bao nhiêu và được ký kết từ thời điểm nào.

H. Theo như hợp đồng tín dụng ký kết ngày 25/3/2009 chị Chung được Ngân hàng cho vay với số tiền bao nhiêu

H. Mục đích chị Chung vay vốn của Ngân hàng để làm gì

- H. Thời hạn cho vay theo hợp đồng đã ký là bao lâu
- H. Thời hạn trả gốc và lãi như thế nào
- H. Lãi xuất theo hợp đồng đã ký là bao nhiêu.
- H. Ngân hàng đã giải ngân số tiền theo như hợp đồng ký kết cho chị Chung chưa
- H. Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị Chung đã trả được số tiền bao nhiêu.
- H. Số dư nợ gốc hiện tại là bao nhiêu.
- H. Số lãi chị Chung đã trả được bao nhiêu
- H. Số lãi tính đến ngày 20/6/2016 chưa trả là bao nhiêu
- H. Chị Chung dùng tài sản nào để đảm bảo cho số tiền vay như trong hợp đồng đã ký
- H. Việc dùng tài sản của bên thứ 3 để vay vốn được thực hiện như thế nào
- H. Tài sản giá trị quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Mão đã được xử lý như thế nào
- H. Tài sản thế chất quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Xuyên được thực hiện như thế nào
- H. Việc bà Xuyên dùng tài sản của mình để thế chấp cho chị Chung vay vốn được thực hiện như thế nào.
- H. Quy trình thẩm định tài sản của bên thứ 3 của hộ bà Xuyên được thực hiện dựa trên cơ sở nào
- H. Hộ bà Xuyên có đồng ý cho chị Chung mượn tài sản để thế chấp không
- H. Ngân hàng có giải thích cho hộ bà Xuyên biết, nếu chị Chung không trả được số tiền vay thì hộ bà Xuyên phải chịu trách nhiệm về khoản vay của chị Chung không.
- H. Hộ bà Xuyên có ý kiến gì không
- H. Việc công chứng, chứng thực ngày 25/3/2009 tại UBND phường Đức Chính cũng như đăng ký giao dịch bảo đảm những ai phải có mặt để thực hiện việc đó.
- H. Sau khi Công chứng, chứng thực hộ bà Xuyên là người có tài sản bảo đảm cho khoản vay của chị Chung có được nhận văn bản gì của Ngân hàng không
- H. Khi chị Chung vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có thông báo cho chị Chung cũng như hộ bà Xuyên biết không.
- H. Thời điểm chị Chung vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ khi nào
- H. Ngân hàng có văn bản thông báo cho chị Chung cũng như hộ bà Xuyên biết không.
- H. Chị Chung có cam kết với Ngân hàng về thời điểm trả nợ không
- H. Chị Chung cam kết đến thời điểm nào thì sẽ trả cho Ngân hàng số tiền đã vay.
- H. Theo như đơn khởi kiện của Ngân hàng đề ngày 03/3/2016 chị Chung còn nợ 674.369.743đ có đúng không
- H. Số tiền gốc đến thời điểm xét xử chị Chung còn nợ là bao nhiêu
- H. Số tiền lãi là bao nhiêu.
- H. Đến thời điểm xét xử Ngân hàng yêu cầu chị Chung phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là bao nhiêu.
- H. Nếu chị Chung không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, quan điểm của Ngân hàng như thế nào
- H. Ngoài số tiền trên Ngân hàng còn yêu cầu gì khác không
- H. Về số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng có quan điểm như thế nào.

Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- H. Bà Xuyên và ông Thi có nghe rõ yêu cầu của Ngân hàng không.
- H. Bà và chị Nguyễn Thị Chung trú tại khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều có mối quan hệ như thế nào.

H. Tại sao không có quan hệ gì bà lại cho chị Chung mượn tài sản của mình thế chấp Ngân hàng để cho chị Chung vay tiền.

H. Chị Ngoãn có quan hệ như thế nào với bà.

H. Tại sao bà muốn vay vốn Ngân hàng không tự mình đến Ngân hàng để giao dịch mà phải thông qua người khác.

H. Việc đến xem xét thẩm định tài sản của gia đình bà được diễn ra tại đâu

H. Tại thời điểm đó có những ai chứng kiến

H. Sau khi xem xét thẩm định tài sản của bà được xác định là bao nhiêu

H. Bà có đồng ý với việc xem xét thẩm định đó không

H. Bà có nhất trí và đồng ý ký vào hồ sơ thế chấp đó không

H. Bà có đọc nội dung trong hồ sơ thế chấp không

H. Chữ ký trong hồ sơ thế chấp có phải của vợ chồng bà không.

H. Việc công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm do UBND xã Đức Chính, nay là phường Đức Chính và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện bà có mặt để ký không.

H. Bà có chứng cứ gì để chứng minh rằng ngày hôm đó ông, bà không có mặt không?

H. Bà cho rằng không dùng tài sản của mình cho chị Chung mượn để thế chấp Ngân hàng, tại sao bà lại đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như ký và hồ sơ thế chấp.

H. Bà có căn cứ gì để chứng minh cho việc chị Chung dùng tài sản của gia đình bà để vay vốn Ngân hàng không.

H. Việc chị Chung vi phạm nghĩa vụ trả nợ bà có được Ngân hàng thông báo không.

H. Bà có làm đơn tố cáo chị Chung có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình bà tới cơ quan công an không

H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Triều đã có văn bản trả lời bà chưa.

H. Bà có đồng ý với kết luận của cơ quan điều tra không.

H. Tại phiên tòa bà có chứng cứ gì xuất trình để bảo vệ quyền lợi cho mình không

H. Ngân hàng yêu cầu chị Chung phải trả số tiền gốc 281.000.000đ tiền gốc và 457.248.130đ tiền lãi đến ngày hôm nay cho Ngân hàng, nếu chị Chung không trả được bà phải có nghĩa vụ trả thay chị Chung quan điểm của bà như thế nào.

H. Ngoài ra bà còn có yêu cầu gì không.

Hỏi Ông Thi

H. Việc ông cùng bà Xuyên ký vào hợp đồng thế chấp để cho chị Chung vay vốn Ngân hàng bà Xuyên có bàn bạc gì không.

H. Ông có ký tên vào trong bản hợp đồng thế chấp cho chị Chung mượn tài sản vay vốn không.

H. Ông có được chứng kiến cán bộ Ngân hàng đến xem xét thẩm định tài sản không.

H. Ông có được giải thích về hậu quả pháp lý khi người vay vốn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ không.

H. Việc đăng ký thế chấp cũng như đăng ký giao dịch bảo đảm ông có mặt để ký vào các văn bản đó không.

H. Ông có chứng cứ gì để khẳng định thời điểm công chứng, chứng thực là ông không có mặt không.

H. Ngân hàng yêu cầu chị Chung phải trả số tiền gốc 281.000.000đ tiền gốc và 457.248.130đ tiền lãi đến ngày hôm nay cho Ngân hàng, nếu chị Chung không trả được bà phải có nghĩa vụ trả thay chị Chung quan điểm của ông như thế nào.

H. Ngoài ra ông còn có yêu cầu gì không.

Hỏi người làm chứng :

Chị được chứng kiến sự việc đó như thế nào

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 05/2017/BCĐX

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Triều, ngày 29 tháng 5 năm 2017

**BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT ĐƯỜNG LỐI XÉT XỬ**

Kính gửi: Lãnh đạo Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều

Thẩm phán báo cáo: Nguyễn Văn Điền.

Ngày 29/5/2017 tôi (Điền) được phân công xét xử 01 vụ án tranh hợp đồng tín dụng và 01 vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Vụ thứ nhất :

*** Nguyên đơn :** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ : Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Trịnh Ngọc Khánh - Chức vụ : Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thiệp. Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mạo Khê, Quảng Ninh. (Theo văn bản ủy quyền số 510 ngày 19/6/2014 của Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

- Người được ủy quyền lại : Ông Nguyễn Văn Tâm. Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mạo Khê, Quảng Ninh. (Theo văn bản ủy quyền số 22 ngày 20/10/2016).

*** Bị đơn :** Chị Nguyễn Thị Chung, sinh năm 1979

Địa chỉ : Khu Vĩnh Hòa , phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh,.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :**

Ông Không Văn Thi và bà Nguyễn Thị Xuyên

Cùng địa chỉ : Khu Yên Lâm1, phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Tóm tắt nội dung vụ án :

Trong đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản cũng như bản tự khai người được ủy quyền lại trình bày :

Ngày 25/3/2009, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mạo Khê gọi tắt là (Agribank) và chị Nguyễn Thị Chung đã cùng nhau ký kết hợp đồng tín dụng số 91715028/HĐTD. Số tiền vay theo hợp đồng đã ký là: 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay vốn mua máy xúc, thời hạn cho vay 36 tháng, thời hạn trả lãi 3 tháng/01 lần, thời hạn trả gốc 12 tháng/01 lần, lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: 10,5% năm, lãi suất quá hạn: 15,75% năm.

+ Số gốc đã trả: 169.000.000đ (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng chẵn)

+ Số dư nợ gốc hiện chưa thanh toán: 281.000.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu đồng)

+ Số lãi đã trả 44.696.528đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tám đồng).

+ Số lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/10/2016 chưa trả là 427.904.801đ (Bốn trăm hai mươi bảy triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm linh một đồng).

Như vậy chị Chung đã vi phạm tất cả các cam kết tại hợp đồng tín dụng số 91715028/HĐTD ngày 25 tháng 3 năm 2009. Cụ thể là vi phạm Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng về việc chấp hành trả nợ gốc, lãi tiền vay, mặc dù đã được Agribank chi nhánh Mạo Khê nhắc nhở rất nhiều lần, đã trực tiếp làm việc đôn đốc bằng văn bản, nhưng chị Chung không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký khi vay vốn.

Do vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều buộc chị Nguyễn Thị Chung phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 281.000.000 (Hai trăm tám mươi một triệu đồng), số tiền lãi trong hạn là 149.934.931đ (Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi tư nghìn chín trăm ba một đồng); số tiền lãi quá hạn là 277.969.870đ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 708.904.801đ (Bảy trăm linh tám triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm linh một đồng).

Về phía bị đơn : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Chung Tòa án đã triệu tập và tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Chung. Chị Chung đã nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt, xong chị Chung không có mặt tại Tòa án để giải quyết, thường xuyên trốn tránh, không hợp tác nên việc tiếp cận lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không thực hiện được. Tòa án đã lập biên bản làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đề xuất :

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 305, Điều 334, Điều 336, Điều 337, Điều 338, Điều 347, Điều 351, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 167 Luật đất đai; Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

1. Tuyên xử :

Buộc chị Nguyễn Thị Chung phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là : 708.904.801đ (Bảy trăm linh tám triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm linh một đồng).

Trong đó :

Nợ gốc : 281.000.000đ (Hai trăm tám mươi một triệu đồng).

Số tiền lãi trong hạn là 149.934.931đ (Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi tư nghìn chín trăm ba một đồng); số tiền lãi quá hạn là 277.969.870đ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2017 chị Nguyễn Thị Chung còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 91715028/HĐTD ngày 25/3/2009 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 35 ngày 23 tháng 3 năm 2009 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mạo Khê, Quảng Ninh; bên thế chấp bà: Nguyễn Thị Xuyên và ông Khổng Văn Thi; bên được vay vốn chị Nguyễn Thị Chung để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Giao cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam quyền quản lý tài sản, để đảm bảo thi hành án trong trường hợp chị Nguyễn Thị Chung không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mạo Khê. Tài sản thế chấp gồm giá trị quyền sử dụng đất diện tích 182,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X - 009242 do UBND huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều) cấp ngày 25 tháng 11 năm 2003; Sổ vào sổ cấp giấy số 180 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Xuyên và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng, công trình phụ tại khu Yên Lâm 1, phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã được UBND xã Đức Chính, huyện Đông Triều (nay là phường Đức Chính) thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh chứng thực ngày 24/3/2009, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 25/3/2009 để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí : Buộc chị Nguyễn Thị Chung phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 16.178.000đ (Mười sáu triệu một trăm bảy tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều theo biên lai thu số 0006823 ngày 24/11/2016.

Vụ thứ hai :

*** Nguyên đơn :** Anh Bùi Văn Huynh; sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Bắc Mã 1, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị đơn :** Chị Nhữ Thị Thoại; sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Bắc Mã 1, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Bùi Văn Huynh trình bày :

Anh và chị Nhữ Thị Thoại kết hôn với nhau vào tháng 3 năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Dương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng nhau tại thôn Bắc Mã 1, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm xúc phạm đến nhau, gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay.

Anh Huynh xác định tình cảm giữa anh và chị Thoại không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thoại.

- Về con chung : Anh Huynh xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Vân sinh ngày 11/12/2003. Tòa án giải quyết ly hôn nguyện vọng của anh đồng ý để chị Thoại được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên đủ (18 tuổi)

- Về tài sản chung và vay nợ: Anh Thoại xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nhữ Thị Thoại trình bày trong biên bản lấy lời khai: Quá trình vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 08 năm hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Huynh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Hai bên sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Quan điểm của chị xác định tình cảm chị dành cho anh Thoại vẫn còn, chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Chị Thoại xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Vân sinh ngày 11/12/2003. Hiện nay cháu Vân đang ở cùng với chị, nếu tòa án giải quyết ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh Thoại phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên đủ (18 tuổi).

- Về tài sản chung và vay nợ : Chị Thoại xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ Tòa án đã đến nơi Chị Thoại đang sinh sống và cư trú giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự, đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Thoại, xong chị Thoại có thái độ không hợp tác và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết.

Vì vậy Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được do chị Thoại vắng mặt làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đề xuất :

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Huỳnh.

1. Tuyên xử :

Anh Bùi Văn Huỳnh được ly hôn với chị Nhữ Thị Thoại.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Giao cho chị Nhữ Thị Thoại được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Vân sinh ngày 11/12/2003. Anh Huỳnh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Huỳnh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Huỳnh trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí : Anh Bùi Văn Huỳnh phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Huỳnh đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số

0006844 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Anh Huynh còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trên đây là nội dung đề xuất đường lối xét xử, kính đề lãnh đạo tòa án nhân dân thị xã Đông Triều cho ý kiến chỉ đạo./.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
Thẩm phán

Nguyễn Văn Điền

